TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 11 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lên;

2. Ông Nguyễn Văn Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Ngọc X, sinh năm 1955, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1972, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số F, hẻm X G, Khu phố B, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Ngọc X trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Theo đơn khởi kiện, ông Lý Ngọc X yêu cầu ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị D liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 40.000.000 đồng, trả lãi theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 10/7/2020 đến ngày xét xử. Tại phiên tòa ông X thay đổi yêu

cầu xác định yêu cầu tính theo lãi suất quy định là 10%/năm. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Về căn cứ khởi kiện như sau: Ngày 10/7/2020 ông X cho vợ chồng ông Ú và bà D vay số tiền 40.000.000 đồng có viết biên nhận bằng chữ viết tay, bà Nguyễn Thị D và ông Ú có ký và ghi họ tên, thời hạn trả là ngày 15/01/2021.từ khi vay tiền đến nay ông Ú và bà D chưa thanh toán khoản nợ vay gốc và lãi nào cho ông mặc dù ông đã gặp yêu cầu trả nhiều lần.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lý Ngọc X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị D trả tiền nợ vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường B, thị xã K nên căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[2] Về tố tụng:

Ông Ú và bà D vắng mặt không tham gia phiên hòa giải mặc dù đã được cấp, tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ú và bà D đã được cấp, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ú và bà D.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông X khởi kiện yêu cầu ông Ú và bà D liên đới trả 40.000.000 đồng tiền nợ vay gốc theo biên nhận mượn tiền ngày 10 tháng 7 năm 2020 và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử.

Xét thấy, ông X cung cấp chứng cứ là biên nhận mượn tiền (chữ viết tay) lập ngày 10 tháng 7 năm 2020 thể hiện nội dung “Tôi: Nguyễn Thị D, vợ, Nguyễn Văn Ú, chồng có mượn anh Lý Ngọc X ngụ tại Khu phố B, Phường A, thị xã K số tiền 40.000.000 đồng từ ngày 10/7/2020 đến ngày 15/01/2021 sẽ hoàn tất số tiền 40.000.000 đồng cho anh X", trong biên nhận có ký và ghi họ tên của Nguyễn Thị D.

Bị đơn ông Ú và bà D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh mặc dù đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo yêu cầu ông Ú và bà D cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến nhưng ông bà vẫn không cung cấp nên được xem là tự từ bỏ quyền, nghĩa

vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, căn cứ chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định giữa ông X và ông Ú, bà D có xác lập giao dịch vay tài sản, số tiền ông Ú và bà D vay là 40.000.000 đồng.

Theo biên nhận mượn tiền thì các bên thỏa thuận hạn trả là ngày 15/01/2021, đến nay bị đơn ông Ú, bà D không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán số tiền nợ vay cho ông X nên ông X khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Hợp đồng vay giữa các bên không thỏa thuận lãi rõ mức lãi suất, tại phiên tòa ông X yêu cầu tính theo lãi suất 10%/năm là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Như vậy, tiền lãi tính từ ngày vay tiền 10/7/2020 đến ngày 11/4/2023, thành tiền: 40.000.000 đồng x 10% x 02 năm 09 tháng = 11.000.000 đồng.

Căn cứ biên nhận mượn tiền thì ông Ú và bà D là vợ chồng cùng vay số tiền trên của ông X nên ông X khởi kiện yêu cầu ông Ú, bà D liên đới trả nợ là có căn cứ theo Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X là buộc ông Ú và bà D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông X số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi là 11.000.000 đồng theo các Điều 288, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Ông Ú và bà D phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ngọc X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Ngọc X số tiền nợ vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi 11.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị D phải liên đới nộp 2.550.000 đồng án phí sơ thẩm. Ông Lý Ngọc X đã được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lý Ngọc X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tống đạt bản án theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Thị Tuyết Nhung